

NGHỊ QUYẾT
Về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Đắk Lắk
giai đoạn 2021 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ BA

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;*

*Xét Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Hỗ trợ phát triển kinh tế tập
thể tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 204/BC-HĐND
ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân
tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về đối tượng, điều kiện cho một số nội dung hỗ trợ
và mức hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh
Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng

a) Kinh tế tập thể, bao gồm: Hợp tác xã (kể cả quỹ tín dụng nhân dân), Liên
hiệp hợp tác xã, Tổ hợp tác được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật
trên địa bàn tỉnh.

b) Thành viên, sáng lập viên, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập và
tham gia hợp tác xã theo quy định Luật Hợp tác xã năm 2012.

c) Cơ quan, cán bộ quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Một số nội dung hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể

1. Hỗ trợ thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động, hoạt động kém hiệu quả hoặc có nhu cầu phát triển, mở rộng.
- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập từ việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách.
- Người dân có nhu cầu thành lập tổ chức kinh tế tập thể.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về kinh tế tập thể.
- Hỗ trợ, tư vấn xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ chức kinh tế tập thể cho phù hợp với các quy định hiện hành.

c) Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ: Nguồn ngân sách tỉnh bảo đảm 100%; mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho người quản lý trong các tổ chức kinh tế tập thể và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể. Ưu tiên thành viên, người lao động đang làm việc tại hợp tác xã được phê duyệt tham gia Đề án hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại địa phương, giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Đề án 167).

- Công chức làm nhiệm vụ quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể tại các sở, ban, ngành và địa phương (bao gồm: công chức chuyên trách và công chức kiêm nhiệm).

- Công chức, viên chức của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội.

- Giảng viên về kinh tế tập thể trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đóng chân trên địa bàn tỉnh.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Được tổ chức kinh tế tập thể, đơn vị chủ quản cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của đơn vị; đáp ứng điều kiện tuyển sinh của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có năng lực và trình độ phù hợp với khóa học.

- Đối với trường hợp cử đi đào tạo dài hạn: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện trên, đối tượng được hỗ trợ phải dưới 50 tuổi và phải có cam kết bằng văn bản về làm việc trong khu vực kinh tế tập thể ít nhất gấp đôi thời gian tham gia khóa đào tạo, chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí đào tạo cho Nhà nước trong trường hợp không thực hiện cam kết.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo:

+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: Học phí theo mức quy định của cơ sở đào tạo; kinh phí mua giáo trình khóa học; chi phí ăn, ở trong thời gian được cử đi đào tạo.

+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên: Cấp học bổng đào tạo, nghiên cứu dài hạn trong nước và nước ngoài về hợp tác xã và các chuyên ngành hỗ trợ trực tiếp cho công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Học bổng bao gồm: toàn bộ kinh phí đi lại, tài liệu, giáo trình, học phí, bảo hiểm, chi phí ăn ở và sinh hoạt theo quy định.

- Hỗ trợ bồi dưỡng:

+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: Chi phí đi lại từ trụ sở đến cơ sở bồi dưỡng (trừ vé máy bay); kinh phí mua tài liệu của chương trình khóa học; các khoản chi phí tổ chức, quản lý lớp học; thuê hội trường; thù lao giảng viên; tham quan, khảo sát; chi phí ăn, ở theo định mức được áp dụng tương tự như đối với công chức Nhà nước.

+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên: Cấp học bổng bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài (bao gồm: toàn bộ kinh phí đi lại, tài liệu, giáo trình, học phí, bảo hiểm, chi phí ăn ở và sinh hoạt theo quy định của chế độ tài chính hiện hành) và tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong nước.

- Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể:

Hỗ trợ lương cho người lao động đã tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể.

d) Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo:

+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: Ngân sách tỉnh bảo đảm 100% kinh phí trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng.

+ Đối với công chức, viên chức các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, giảng viên: Ngân sách trung ương bảo đảm 100% kinh phí.

- Hỗ trợ bồi dưỡng:

+ Đối với thành viên, người lao động tổ chức kinh tế tập thể: Ngân sách trung ương hỗ trợ 100% kinh phí đi lại, tổ chức lớp học và mua tài liệu học tập; hỗ trợ 100% chi phí ăn ở đối với các tổ chức kinh tế tập thể thuộc địa bàn xã khu vực III thuộc diện đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (gọi tắt là xã đặc biệt khó khăn) và thành viên, người lao động đang làm việc tại các hợp tác xã được phê duyệt tham gia Đề án 167; đối với các vùng khác: hỗ trợ 90% đối với các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, hỗ trợ 80% đối với các tổ chức kinh tế tập thể khác.

+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 100% kinh phí.

- Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể:

Ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, thời gian hỗ trợ tối đa 03 năm/người, số lượng tối đa 02 người/tổ chức kinh tế tập thể/năm.

3. Xây dựng thông tin dữ liệu và tuyên truyền về kinh tế tập thể

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trên tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân.

- Cá nhân, tổ chức liên quan đến hình thành, tổ chức, quản lý và hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, vận hành và duy trì trang tin điện tử (Website) về kinh tế tập thể của tỉnh trong đó có: Thông tin về thị trường, khoa học công nghệ; tư vấn pháp luật, chính sách; quan hệ thông tin với các nước, các tổ chức quốc tế liên quan; kết nối với các trang tin về đăng ký hợp tác xã, đào tạo trực tuyến, sàn giao dịch điện tử,...

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về kinh tế tập thể.

c) Nguồn kinh phí:

- Nguồn ngân sách tỉnh bảo đảm 100% cho xây dựng và vận hành hệ thống website về kinh tế tập thể của tỉnh.

- Nguồn ngân sách Trung ương đảm bảo 100% hỗ trợ, tuyên truyền về kinh tế tập thể.

4. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc

a) Đối tượng hỗ trợ:

Các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trên tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Ưu tiên hợp tác xã được phê duyệt tham gia Đề án 167, tiếp đến là các tổ chức kinh tế tập thể có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, thực hành sản xuất xanh, chương trình mỗi xã một sản phẩm.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Kinh phí tham gia các hội chợ, triển lãm, diễn đàn trong và ngoài nước.

- Kinh phí xây dựng chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc.

- Kinh phí xây dựng một số trung tâm xúc tiến thương mại (cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm), hỗ trợ chi phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm cho các tổ chức kinh tế tập thể tại các địa phương.

c) Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

- Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước; hỗ trợ một phần kinh phí thuê địa điểm và vận hành một số cửa hàng giới thiệu, bán sản phẩm cho các tổ chức kinh tế tập thể trong năm đầu tiên, mức

hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không vượt quá 5 triệu đồng/tháng/điểm bán hàng và không quá 01 điểm bán hàng/huyện, thị xã, thành phố.

- Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ: 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài; tổ chức diễn đàn kinh tế tập thể; hỗ trợ hợp tác xã trong việc đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; xây dựng một số trung tâm (cửa hàng) xúc tiến thương mại của các tổ chức kinh tế tập thể và kinh phí duy trì, vận hành trung tâm trong 03 năm đầu, các năm tiếp theo do các trung tâm tự chủ.

5. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm

a) Đối tượng hỗ trợ:

Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp (gọi tắt là hợp tác xã nông nghiệp).

b) Cơ chế đầu tư:

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Các hợp tác xã nông nghiệp đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định pháp luật hiện hành về hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm, ưu tiên hợp tác xã được phê duyệt tham gia Đề án 167, tiếp đến là hợp tác xã không tham gia Đề án, trong đó ưu tiên hợp tác xã sản xuất theo cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị, hợp tác xã hoạt động trên các địa bàn đặc biệt khó khăn.

+ Hợp tác xã nông nghiệp được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm theo nghị quyết này thì không được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm quy định tại các văn bản pháp luật khác và ngược lại (kể cả các chương trình, dự án liên quan có sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước).

- Nội dung hỗ trợ:

+ Xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế, chế biến và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên.

+ Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp (bao gồm: Cống, trạm bơm, giếng nước, đường ống dẫn nước, đập dâng, kênh và công trình trên kênh, bể chứa nước, bờ bao các loại, hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm; đường trục chính giao thông nội đồng, đường ranh cản lửa, đường lâm nghiệp).

+ Xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản bao gồm: Hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, công trình xử lý nước thải chung đối với vùng nuôi trồng thủy sản; hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè, ...

- Nguồn vốn và mức hỗ trợ:

+ Đối với các hợp tác xã được phê duyệt tham gia Đề án 167: Đối với dự án có tổng mức đầu tư từ 7 tỷ đồng trở xuống, ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% tổng mức đầu tư dự án; Đối với dự án có tổng mức đầu tư trên 7 tỷ đồng thì chỉ hỗ trợ 07 tỷ đồng/01 hợp tác xã.

+ Đối với các hợp tác xã nông nghiệp xây dựng công trình tại các xã đặc biệt khó khăn, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 80% tổng mức đầu tư dự án nhưng mức vốn hỗ trợ không quá 2 tỷ đồng/01 hợp tác xã.

+ Đối với các hợp tác xã nông nghiệp xây dựng công trình tại xã, phường, thị trấn còn lại, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư dự án nhưng mức vốn hỗ trợ không quá 2 tỷ đồng/01 hợp tác xã.

+ Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư dự án đối với dự án có tính chất liên vùng, khu vực do các bộ, cơ quan trung ương quản lý.

Hàng năm, căn cứ mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, vốn của ngân sách tỉnh bố trí, vốn đối ứng của hợp tác xã, các nguồn hợp pháp khác và tính chất của từng dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể từ nguồn ngân sách nhà nước (nguồn vốn đầu tư) cho từng dự án.

- Phương thức hỗ trợ:

Nhà nước hỗ trợ cho hợp tác xã thông qua Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để xây dựng, mua sắm, bàn giao cho hợp tác xã quản lý sử dụng. Trường hợp công trình, dự án của HTX có tính chất liên xã thì giao cho cơ quan, tổ chức có chức năng quản lý dự án cấp huyện tổ chức thực hiện và bàn giao cho Hợp tác xã quản lý sử dụng.

c) Cơ chế quản lý sau đầu tư:

Hỗ trợ của Nhà nước là tài sản không chia của hợp tác xã. Hợp tác xã tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình được đưa vào hoạt động; khi hợp tác xã giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước được chuyển cho chính quyền địa phương nơi công

trình được đầu tư xây dựng hoặc chính quyền địa phương nơi hợp tác xã đã tiến hành đăng ký thành lập để quản lý.

6. Hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp tại các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Đối tượng hỗ trợ:

Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi tại các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Hợp tác xã thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 và có lãi trong thời gian tối thiểu là 01 năm liền kề trước năm đề nghị hỗ trợ, trong đó ưu tiên hợp tác xã có số lượng thành viên là người dân tộc thiểu số chiếm đa số.

- Một nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ nhiều chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất để hưởng.

- Hỗ trợ theo kế hoạch, dự toán kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí hàng năm và thực hiện hỗ trợ sau khi hợp tác xã thực hiện xong đầu tư.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ vốn lưu động, hỗ trợ mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất;

- Hỗ trợ đổi mới ứng dụng khoa học công nghệ; xây dựng mô hình hợp tác xã tiên tiến điển hình để nhân rộng, ...

d) Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/01 hợp tác xã và chỉ được hỗ trợ 01 lần.

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư mua sắm máy móc phục vụ sản xuất, mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/hợp tác xã và chỉ được hỗ trợ 01 lần mua; hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện dự án/mô hình đổi mới ứng dụng khoa học công nghệ, dự án/mô hình sản xuất kinh doanh nông nghiệp tốt để nhân rộng nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình/dự án.

7. Hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ cao vào sản xuất

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Hợp tác xã đã được phê duyệt tham gia Đề án 167.
- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, nghiệp, ưu tiên hợp tác xã nông nghiệp đã có phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, đang tiếp cận với việc ứng dụng công nghệ cao vào hoạt động sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp xuất hàng hóa quy mô lớn, có liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

b) Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình về khuyến nông như xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp tốt, mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, mô hình sản xuất nông nghiệp trình diễn để phổ biến và nhân rộng.

c) Nguồn kinh phí và định mức chi:

Từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh. Hàng năm Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh dành một phần kinh phí hỗ trợ các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đổi mới, ứng dụng công nghệ theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

- Ngân sách Trung ương (vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và kinh phí sự nghiệp, giai đoạn 2021 - 2025, kinh phí trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021 - 2025; kinh phí triển khai Đề án Tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021 - 2030).

- Ngân sách tỉnh (vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và kinh phí sự nghiệp, giai đoạn 2021 - 2025).

- Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế và kinh phí hợp pháp khác.

- Kinh phí huy động, đóng góp từ các tổ chức kinh tế tập thể.

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối nguồn ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí để thực hiện Nghị quyết này, đồng thời tổng hợp nhu cầu từ nguồn ngân sách trung ương để đề nghị hỗ trợ theo quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khoá X, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ NN&PTNT; Bộ CT;
- Bộ KHĐT - Cục PT HTX;
- Bộ TNMT; Bộ KH&CN;
- Bộ Tư pháp - Cục KTVBQPPL;
- Bộ Tài chính - Vụ Pháp chế;
- Liên minh HTX Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Ngân hàng NN&VN CN Đắk Lắk; Cục Thuế;
- Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; Hội Nông dân tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, TX, thành phố;
- TT. HĐND, UBND các xã; phường; thị trấn;
- (UBND cấp huyện sao gửi)
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- TT Công báo tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT. HĐND.

CHỦ TỊCH



Y Vinh Tor